

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Máy và thiết bị lạnh (228306) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **30/06/2022**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D5-29**

Mã nhận dạng: 002033

Trang : 1/2

Số SV có mặt: 28
Số bài thi: 28
Số tờ giấy thi: 28

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2 
Lê Thị Ánh Hằng T. Hiền		Đỗ Quang Huy	N. N. N. N.

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121180064	TRƯƠNG VỸ AN	26/12/2003	CCQ2118B				0,0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2121180006	NGÔ MINH ÂU	06/11/2003	CCQ2118A		202	Âu	7,8	5,1	6,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2121180044	TRẦN HẢI ÂU	30/11/2003	CCQ2118B		203	Âu	7,5	5,2	6,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2121180043	NGUYỄN GIA BẢO	02/03/2003	CCQ2118B				7,3			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2121180021	VÕ CAO BẢO	13/08/2003	CCQ2118A		204	Bao	8,3	3,9	5,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2121180059	PHẠM VĂN CHIẾN	19/04/2003	CCQ2118B				7,5			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2121180067	TRẦN QUỐC CƯỜNG	02/06/2003	CCQ2118B		203	Cuu	6,8	9,0	8,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2121180056	CAO NHẤT DANH	28/06/2003	CCQ2118B		204	anh	7,8	5,1	6,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2121180046	NGUYỄN HOÀN ĐIỀU	10/07/2003	CCQ2118B		201	Đ	7,5	5,8	6,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2121180014	TRỊNH MINH DU	14/12/2003	CCQ2118A		202	Đ	7,3	4,8	5,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2121180048	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	06/05/2003	CCQ2118B		203	Dung	7,3	6,5	6,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2121180018	TRẦN QUÍ ĐÀI	09/10/2003	CCQ2118A		204	Đai	7,5	6,2	6,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2121180036	NGUYỄN THANH HẢI	04/04/2003	CCQ2118B				8,0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2121180004	TRỊNH VĂN HIỀN	08/05/2003	CCQ2118A		202	hiên	7,8	4,5	5,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2121180032	NGUYỄN QUỐC HIỆP	16/06/2003	CCQ2118A		201	Hiệp	7,8	6,1	6,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2121180022	HỒ CHÂU NGỌC HIẾU	24/01/2003	CCQ2118A		204	Hiếu	8,3	6,9	7,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2121180017	HUỲNH TRỌNG HIẾU	18/12/2003	CCQ2118A		203	Hiếu	7,0	6,8	6,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2121180061	LƯU HOÀI HIẾU	20/09/2003	CCQ2118B		202	Hiếu	7,3	6,0	6,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2121180053	NGUYỄN HUỲNH MINH HIẾU	27/01/2003	CCQ2118B		201	Hiếu	7,0	8,0	7,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2121180030	NGUYỄN KẾ HỌC	07/05/2003	CCQ2118A		204	Hoc	7,5	6,1	6,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 10/06/2022

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Máy và thiết bị lạnh (228306) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **30/06/2022**

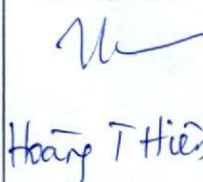
Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D5-29**

Mã nhận dạng: 002033

Trang : 2/2

Số SV có mặt: 28
Số bài thi: 28
Số tờ giấy thi: 28

Cán bộ coi thi 1  Lê Văn Cường	Cán bộ coi thi 2  Hoàng Thị Hiền	G.Viên chấm thi 1  Đỗ Quang Huy	G.Viên chấm thi 2  Nguyễn Văn...
---	---	--	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121180023	LÊ ĐĂNG HUY	28/04/2003	CCQ2118A		203	Huy	7,8	6,3	6,9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2121180033	NGUYỄN HOÀNG HUY	06/04/2003	CCQ2118A				0,0			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2121180027	DƯƠNG LÂM KHANG	02/07/2003	CCQ2118A		203	Phung	6,8	6,1	6,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2121180024	LÊ HOÀNG GIA KHANG	31/01/2003	CCQ2118A				0,0			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2121180050	NGUYỄN THÀNH KHANG	24/05/2003	CCQ2118B				0,0			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2121180028	ĐÀO TRỌNG KHÁNH	03/07/2003	CCQ2118A		202	Khánh	6,8	4,1	5,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	2121180009	ĐẶNG TRUNG KIÊN	05/09/2003	CCQ2118A		203	Kien	7,8	6,3	6,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	2121180063	LÊ TRUNG KIÊN	23/12/2003	CCQ2118B				8,0			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	2121180055	NGUYỄN TẤN KIẾT	04/10/2003	CCQ2118B		203	Tuanh	8,0	6,1	6,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	2121180058	PHAN NHẬT LINH	27/04/2003	CCQ2118B		202	Linh	7,5	6,2	6,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	2121180026	TẶNG CHÂU BÌNH LINH	29/05/2003	CCQ2118A		201	Linh	8,0	6,1	6,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	2121180054	ĐỖ VĂN LONG	18/03/2002	CCQ2118B				0,0			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	2121180042	LÊ CÔNG LUẬN	06/02/2003	CCQ2118B		203	Luon	7,3	6,5	6,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	2121180008	TRẦN VĂN MẠNH	14/01/2003	CCQ2118A		202	Manh	7,8	3,9	5,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
35	2121180010	BÙI ĐẶNG PHƯƠNG NAM	16/02/2003	CCQ2118A				0,0			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
36	2121180049	HÀ THANH NAM	10/11/2003	CCQ2118B		201	Nam	8,0	5,1	6,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
37	2121180019	NGUYỄN HẢI NAM	01/01/2003	CCQ2118A				0,0			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
38	2121180047	LÊ CÔNG NGHĨA	01/04/2003	CCQ2118B		204	ngheia	7,8	4,9	6,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
39	2121180108	TỶ VĂN NGỌC	18/11/2003	CCQ2118B				0,0			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
40	2121180039	NGUYỄN CÔNG NGUYỄN	04/03/2003	CCQ2118B		202	Nguyen	8,5	6,3	7,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Máy và thiết bị lạnh (228306) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **002**

Ngày thi: **30/06/2022**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D5-26**

Mã nhận dạng: 002034

Trang : 1/2

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 21

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
NHAI Đ	Châu TT Ngân	Đỗ Quang Huy	monh

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121180031	VĂN QUYẾT CÔNG NHÃN	12/04/2002	CCQ2118A		204	Nhân	7,0	4,8	5,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2121180035	TRẦN ĐỨC NHUẬN	28/07/2003	CCQ2118A		201	Nh	7,5	4,8	5,9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2121180003	ĐẶNG MINH NHỰT	22/05/2002	CCQ2118A		202	Nh	7,8	3,8	5,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2121180057	NGUYỄN NGÔ NHẬT PHI	24/10/2003	CCQ2118B		203	Phi	7,0	5,5	6,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2121180016	PHAN HOÀNG PHÚC	30/06/2003	CCQ2118A		204	Ph	7,5	4,2	5,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2121180002	NGUYỄN THẾ QUẢNG	03/03/2003	CCQ2118A		201	Quang	8,0	6,0	6,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2121180062	ĐOÀN NGUYỄN MINH QUYỀN	28/05/2003	CCQ2118B		202	Minh	7,8	4,0	5,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2121180037	ĐẶNG THANH SƠN	06/02/2003	CCQ2118B		203	Son	7,3	2,6	4,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2121180040	LÊ TRUNG TÀI	29/04/2003	CCQ2118B		204	Tai	8,0	5,7	6,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2121180109	NGUYỄN NGỌC THẮNG	21/10/2000	CCQ2118B				0,0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2121180052	ĐẶNG VĂN THIÊN	11/06/2002	CCQ2118B		202	Thiên	7,8	5,2	6,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2121180011	PHAN THANH THIÊN	01/06/2003	CCQ2118A				7,5			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2121180068	HUỖNH THỊNH	21/09/2003	CCQ2118B		204	H	6,5	6,7	6,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2121180034	NGUYỄN QUANG THƯỜNG	07/03/2003	CCQ2118A		201	Thường	8,5	6,1	7,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2121180069	HOÀNG VĂN TIẾN	07/07/2003	CCQ2118B		202	Wen	9,0	8,0	8,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2121180038	THÁI THANH TIẾN	08/08/2003	CCQ2118B				0,0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2121180013	NGUYỄN THÀNH TIN	12/12/2003	CCQ2118A		204	Tin	8,0	6,9	7,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2121180005	NGUYỄN VĂN TOÀN	19/07/2003	CCQ2118A		201	Toàn	7,5	5,9	6,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2121180012	NGUYỄN TẤN TRIỆN	20/06/2002	CCQ2118A		202	Tan	7,3	4,9	5,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2121180029	NGUYỄN MINH TRỌNG	09/10/2003	CCQ2118A		203	Tr	7,0	4,0	5,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 10/06/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Máy và thiết bị lạnh (228306) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **002**

Ngày thi: **30/06/2022**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D5-26**

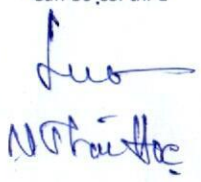
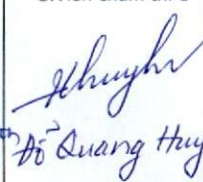
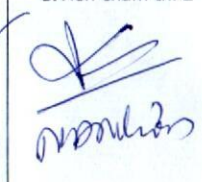
Mã nhận dạng: 002034

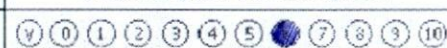
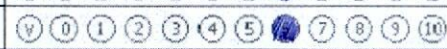
Trang : 2/2

Số SV có mặt: 21/...

Số bài thi: 21/...

Số tờ giấy thi: 21/...

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Nguyễn Văn Học	 Châu Tấn Ngọc	 Đỗ Quang Huy	 Nguyễn Văn Sơn

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121180051	NGUYỄN TÀI TRUNG	16/08/1999	CCQ2118B		201		7,5	5,9	6,5		
22	2121180001	ĐỖ ĐAN TRƯỜNG	18/08/2003	CCQ2118A		201		9,0	4,2	6,1		
23	2121180060	PHAN QUỐC TÚ	19/05/2003	CCQ2118B		202		7,0	4,5	5,5		
24	2121180007	ĐẶNG BẢO TUẤN	26/01/2003	CCQ2118A		203		7,3	4,6	5,7		
25	2121180015	PHẠM NHẬT TƯỜNG	15/12/2003	CCQ2118A				0,0				

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Máy và thiết bị lạnh (228306) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **30/06/2022**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D5-27**

Mã nhận dạng: 002035

Trang : 1/2

Số SV có mặt: 18
Số bài thi: 18
Số tờ giấy thi: 18

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121180092	HỒ SĨ AN	27/03/2003	CCQ2118C		203		7,5	6,1	6,7		
2	2121180103	LÊ VĨ AN	19/09/2003	CCQ2118C				7,3				
3	2121180102	NGUYỄN QUỐC BẢO	13/10/2001	CCQ2118C				0,0				
4	2121180089	LÂM HOÀI BẢO	06/12/2003	CCQ2118C				0,0				
5	2121150056	LÊ AN CƯ	26/01/2002	CCQ2118B		203		7,3	3,8	5,2		
6	2121180088	TRƯƠNG ĐẠI DŨNG	14/11/2002	CCQ2118C				8,0				
7	2121180083	PHẠM PHƯỚC DỰ	27/10/2003	CCQ2118C		201		7,5	5,1	6,1		
8	2121180107	DƯƠNG VINH HÀO	30/04/2003	CCQ2118C		204		8,5	8,7	8,6		
9	2121180106	TRẦN ĐÌNH HÀO	11/08/2002	CCQ2118C		203		8,5	8,0	8,2		
10	2121180075	NGUYỄN TRUNG HẬU	26/09/2002	CCQ2118C				0,0				
11	2121180096	NGUYỄN THANH HOÀNG	02/10/2003	CCQ2118C		201		8,8	5,6	6,9		
12	2121180101	DUNG MINH HUY	15/06/2003	CCQ2118C		204		8,3	6,1	7,0		
13	2121180072	HUỖNH TRÚC KHOANG	25/05/2003	CCQ2118C		203		8,8	7,5	8,0		
14	2121180104	HOÀNG ĐÌNH LẠNG	15/11/2003	CCQ2118C		202		8,3	2,7	4,9		
15	2121180095	NGUYỄN TUẤN NGUYỄN	19/03/2003	CCQ2118C				7,3				
16	2121180086	NGUYỄN HOÀNG PHÚ	27/03/2003	CCQ2118C				7,5				
17	2121180098	ĐỖ HOÀNG PHÚC	25/12/2003	CCQ2118C				0,0				
18	2121180091	LÊ TẤN PHƯỚC	25/09/2003	CCQ2118C				7,5				
19	2121180097	TRẦN KHÁNH QUANG	03/05/2003	CCQ2118C		201		7,3	6,2	6,6		
20	2121180080	NGUYỄN NGỌC SÁNG	29/04/2003	CCQ2118C				0,0				

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 10/06/2022

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Máy và thiết bị lạnh (228306) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **30/06/2022**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D5-27**

Mã nhận dạng: 002035

Trang : 2/2

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyễn Xuân Vũ</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Nguyễn Xuân Vũ</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Xuân Vũ</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Xuân Vũ</i>
---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Ph	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121180085	NGUYỄN THÀNH SON	16/05/2003	CCQ2118C				0,0			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121180100	NGUYỄN HỮU TÀI	29/01/2002	CCQ2118C				7,5			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121180090	NGUYỄN NGỌC THẮNG	29/05/2003	CCQ2118C		201	Thắng	7,0	4/6	5/6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121180094	NGUYỄN TẤN THỊNH	30/05/2003	CCQ2118C				0,0			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2121180079	KIỀU QUỐC THỌ	24/06/2003	CCQ2118C		203	Thọ	7,8	6/2	6/8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2121180099	LÊ QUỐC TIẾN	06/08/2003	CCQ2118C		202	Tiến	8,5	6/4	7/2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2121180093	NGUYỄN MINH TRÍ	03/06/2003	CCQ2118C		201	Trí	7,3	5/6	6/3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2121180071	PHAN NGUYỄN CAO TRÍ	14/12/2003	CCQ2118C				7,5			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2121180105	LƯ MINH TRUNG	29/08/2003	CCQ2118C		203	Trung	8,0	4/3	5/8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2121180077	NGUYỄN MINH TUYỀN	18/06/2003	CCQ2118C		204	Tuyền	8,5	7/1	7/7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2121180082	LƯƠNG HỒNG VI	19/04/2003	CCQ2118C		201	Vi	7,8	6/0	6/7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2121180081	DƯƠNG QUỐC VIỆT	01/06/2003	CCQ2118C		202	Việt	8,3	5/2	6/4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2121180073	PHẠM HIỂN VINH	02/09/2003	CCQ2118C				0,0			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

21 P. Nhân

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Máy và thiết bị lạnh (228306) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

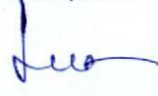
Ngày thi: **30/06/2022**

Giờ: **09:45**

Phòng thi: **D5-26**

Mã nhận dạng: 002036

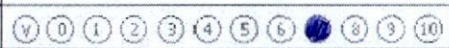
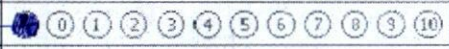
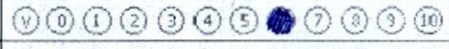
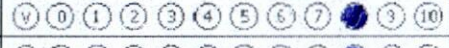
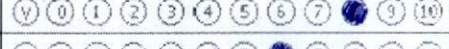
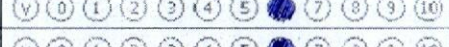
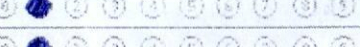
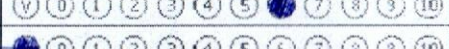
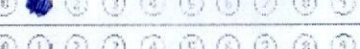
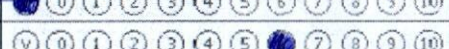
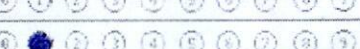
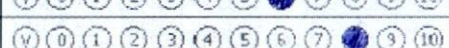
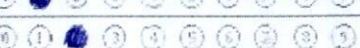
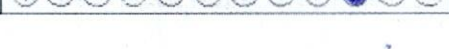
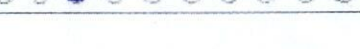
Trang : 1/1

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 N.T. Huân	 Châu T.T. Ngọc	 Đỗ Quang Huy	 P. Nhân

Số SV có mặt: ...8...

Số bài thi: ...8...

Số tờ giấy thi: ...8...

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121180020	LÊ NGỌC ĐẠT	12/10/2003	CCQ2118LA		201		8,3	6,2	7,0		
2	2121180076	LÊ TRỌNG HÙNG	22/02/2003	CCQ2118LA				7,0				
3	2121180045	NGUYỄN THÀNH LUÂN	13/06/2003	CCQ2118LA		203		7,5	5,3	6,2		
4	2121180025	NGUYỄN LÊ HOÀI NAM	28/08/2003	CCQ2118LA		204		8,5	8,9	8,7		
5	2121180066	TRẦN THANH NHÂN	19/08/2003	CCQ2118LA		201		7,5	8,9	8,3		
6	2121180041	NGUYỄN MINH NHẤT	19/10/2003	CCQ2118LA		202		7,3	5,4	6,1		
7	2121180074	TRẦN TRỌNG SANG	04/02/2003	CCQ2118LA		203		7,8	5,0	6,1		
8	2121180070	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	01/04/2003	CCQ2118LA				0,0				
9	2121180065	ĐÀO VĂN THOẠI	12/11/2002	CCQ2118LA		201		8,0	4,8	6,1		
10	2121180078	VÕ MINH TRỌNG	09/06/2003	CCQ2118LA		201		8,5	8,0	8,2		

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 10/06/2022